

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014  
đã được soát xét*



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Lãnh đạo</b>	<b>2 - 3</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	<b>5 - 26</b>
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 26

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số là 0106065776 ngày 20 tháng 12 năm 2012 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 04 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 69.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ văn phòng hành chính tổng hợp;
- Hoạt động tài chính.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 26).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch	
Ông Hán Công Khanh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2014
Bà Hoàng Võ Phụng Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2014
Ông Quách Mạnh Hào	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2014
Ông Lê Việt	Ủy viên	
Ông Đỗ Thanh Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn	Ủy viên	

### **BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Hán Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huệ	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2014

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2014

**TM. Ban Lãnh đạo**  
**Chủ tịch HĐQT**



**Phạm Thanh Tùng**

Số: 274.01/2014/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt được lập ngày 05 tháng 8 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2014

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



**Giám đốc**

**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**Kiểm toán viên**



**Bùi Thị Ngọc Lân**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.565.743.034</b>	<b>38.004.573.589</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>10.914.116.661</b>	<b>8.737.790.402</b>
1.	Tiền	111		2.481.671.361	5.392.565.435
2.	Các khoản tương đương tiền	112		8.432.445.300	3.345.224.967
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>18.487.911.973</b>	<b>4.816.136.283</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		19.568.297.483	4.816.136.283
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1.080.385.510)	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.087.407.364</b>	<b>8.670.908.904</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		1.973.268.000	8.419.022.540
2.	Trả trước cho người bán	132		-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	114.139.364	251.886.364
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.076.307.036</b>	<b>15.779.738.000</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.245.455	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		57.136	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	10.066.004.445	15.779.738.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT**

Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.043.676.588</b>	<b>73.323.467</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
	- Nguyên giá	222		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>37.988.688.000</b>	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.05	37.988.688.000	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>54.988.588</b>	<b>73.323.467</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	54.988.588	73.323.467
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>79.609.419.622</b>	<b>38.077.897.056</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT**

Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.603.292.320</b>	<b>6.456.988.806</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.603.292.320</b>	<b>6.456.988.806</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.07	3.067.875.729	3.471.445.089
2.	Phải trả người bán	312		403.600.910	1.400.000
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	1.766.491.604	734.878.711
5.	Phải trả người lao động	315		199.355.912	2.246.460.006
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	133.550.000	2.805.000
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32.418.165	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>74.006.127.302</b>	<b>31.620.908.250</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.10</b>	<b>74.006.127.302</b>	<b>31.620.908.250</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		69.000.000.000	30.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		48.627.247	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		48.627.247	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.908.872.808	1.620.908.250
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>79.609.419.622</b>	<b>38.077.897.056</b>



**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Kim Phượng**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Kim Phượng**

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2014

**Chủ tịch HĐQT**



**Phạm Thanh Tùng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>1.893.516.363</b>	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.893.516.363</b>	-
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	982.623.863	-
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>910.892.500</b>	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	11.473.456.422	1.377.159.295
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	7.485.716.837	1.448.866.863
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		953.877.344	501.491.566
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		640.774.814	498.270.000
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.257.857.271</b>	<b>(569.977.568)</b>
11.	Thu nhập khác	31		90.700.000	-
12.	Chi phí khác	32		61.208.600	-
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>29.491.400</b>	-
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.287.348.671</b>	<b>(569.977.568)</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	869.711.454	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>3.417.637.217</b>	<b>(569.977.568)</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.06</b>	<b>578</b>	<b>(203)</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*phuong*

*phuong*



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Phạm Thanh Tùng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		4.287.348.671	(569.977.568)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		-	-
-	Các khoản dự phòng	03		1.080.385.510	-
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(706.651.018)	-
-	Chi phí lãi vay	06		953.877.344	501.491.566
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		5.614.960.507	(68.486.002)
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		7.759.045.959	(21.811.000.927)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10		(5.818.161.200)	(22.956.647.060)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(1.352.256.745)	83.045.000
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		8.089.424	(110.009.273)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(953.877.344)	(501.491.566)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(9.845.376.000)	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(4.587.575.399)	(45.364.589.828)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.066.000.000)	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.132.000.000	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.742.930.000)	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		844.401.018	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(31.832.528.982)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT**  
Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		39.000.000.000	30.000.000.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		188.663.252.107	89.571.827.253
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(189.066.821.467)	(73.659.689.512)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>38.596.430.640</b>	<b>45.912.137.741</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>2.176.326.259</b>	<b>547.547.913</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>8.737.790.402</b>	-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>10.914.116.661</b>	<b>547.547.913</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

*phuong*

*phuong*



Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Phạm Thanh Tùng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ văn phòng hành chính tổng hợp;
- Hoạt động tài chính.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

11/07/2014  
CHẾ ĐỘ  
CHẾ ĐỘ  
CHẾ ĐỘ  
CHẾ ĐỘ  
CHẾ ĐỘ  
CHẾ ĐỘ

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

##### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn:**

- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn so với giá chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.
- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

##### **03. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

##### **04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm là giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

##### **05. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

20  
H N  
G V  
H N  
C I E N  
A M  
T Y

**06. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán (giá bán cao hơn giá vốn).

**07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá vốn bình quân của chứng khoán và giá bán (giá bán thấp hơn giá vốn).
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

348  
HÀ  
TY  
KT  
KẾ  
VT  
VII  
- 7

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT**

Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	459.586.004	1.582.449.800
- Tiền gửi ngân hàng	2.022.085.357	3.810.115.635
- Tiền tại tài khoản giao dịch chứng khoán	8.432.445.300	3.345.224.967
<b>Cộng</b>	<b>10.914.116.661</b>	<b>8.737.790.402</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>à. Đầu tư ngắn hạn</b>		<b>19.568.297.483</b>		<b>4.816.136.283</b>
- <i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</i>		<b>8.968.297.483</b>		<b>3.150.136.283</b>
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (ASP)	-	-	56.330	400.308.275
+ Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	-	-	170.000	2.017.305.692
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (EIB)	-	-	60.000	732.522.316
+ Công ty Cổ phần FPT (FPT)	110.062	5.998.318.009	-	-
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon (FCM)	140.000	1.930.346.183	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITA)	10.000	79.664.773	-	-
+ Công ty Cổ phần Thép Việt Ý (VIS)	97.610	959.968.518	-	-
- <i>Đầu tư ngắn hạn khác (*)</i>		<b>10.600.000.000</b>		<b>1.666.000.000</b>
<b>b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(1.080.385.510)</b>		-
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon (FCM)		(12.346.183)		-
+ Công ty Cổ phần FPT (FPT)		(869.428.809)		-
+ Công ty Cổ phần Thép Việt Ý (VIS)		(198.610.518)		-
<b>Cộng</b>		<b>18.487.911.973</b>		<b>4.816.136.283</b>

(\*): Là các khoản cho các cá nhân vay kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 15%/năm.

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khác	114.139.364	251.886.364
+ <i>Dự thu về lãi cho vay</i>	70.500.000	208.250.000
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	43.639.364	43.636.364
<b>Cộng</b>	<b>114.139.364</b>	<b>251.886.364</b>



Đơn vị tính: VND

**04. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	220.628.445	1.533.980.000
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	9.845.376.000	14.245.758.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.066.004.445</u></b>	<b><u>15.779.738.000</u></b>

(\*): Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là khoản đặt cọc để mua 2.461.344 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt với giá mua theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là 9.000 VND/cổ phần.

**05. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (*)	4.748.586	37.988.688.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b><u>37.988.688.000</u></b>		<b><u>-</u></b>

(\*): Khoản đầu tư vào Công ty liên kết tăng do mua lại 4.748.586 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt với giá mua theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và phụ lục hợp đồng là 8.000 VND/cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.748.586 cổ phần, tương đương 49,463% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

**06. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	54.988.588	73.323.467
<b>Cộng</b>	<b><u>54.988.588</u></b>	<b><u>73.323.467</u></b>

**07. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b><u>3.067.875.729</u></b>	<b><u>3.471.445.089</u></b>
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	3.067.875.729	3.471.445.089
+ Vay margin đầu tư chứng khoán	2.867.875.729	3.471.445.089
+ Vay cá nhân	200.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.067.875.729</u></b>	<b><u>3.471.445.089</u></b>

Đơn vị tính: VND

**08. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	600.478.735	439.471.348
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.165.118.817	295.407.363
- Thuế thu nhập cá nhân	894.052	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.766.491.604</u></b>	<b><u>734.878.711</u></b>

**09. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	30.745.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	102.805.000	2.805.000
<b>Cộng</b>	<b><u>133.550.000</u></b>	<b><u>2.805.000</u></b>

Đơn vị tính: VND

**10. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.620.908.250	1.620.908.250
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	-	-	<b>1.620.908.250</b>	<b>31.620.908.250</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>					
Tăng vốn trong kỳ	39.000.000.000	-	-	-	39.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	3.417.637.217	3.417.637.217
Phân phối lợi nhuận (*)	-	48.627.247	48.627.247	(129.672.659)	(32.418.165)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>69.000.000.000</b>	<b>48.627.247</b>	<b>48.627.247</b>	<b>4.908.872.808</b>	<b>74.006.127.302</b>

(\*): Chi tiết phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	48.627.247
- Trích quỹ đầu tư phát triển	48.627.247
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	32.418.165
<b>Tổng cộng</b>	<b>129.672.659</b>

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	
- Vốn góp của các đối tượng khác	69.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>69.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	-
+ Vốn góp tăng trong kỳ	39.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	69.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**e. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.900.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.900.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.900.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.900.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.900.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.893.516.363	-
<b>Cộng</b>	<b>1.893.516.363</b>	<b>-</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	982.623.863	-
<b>Cộng</b>	<b>982.623.863</b>	<b>-</b>

Đơn vị tính: VND

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	706.651.018	-
- Lãi đầu tư chứng khoán	10.766.805.404	1.377.159.295
<b>Cộng</b>	<b>11.473.456.422</b>	<b>1.377.159.295</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền vay	953.877.344	501.491.566
- Lỗ do bán chứng khoán	5.038.495.249	947.375.297
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.080.385.510	-
- Chi phí tài chính khác	412.958.734	-
<b>Cộng</b>	<b>7.485.716.837</b>	<b>1.448.866.863</b>

**05. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	869.711.454	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>869.711.454</b>	<b>-</b>

*Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
• Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.287.348.671
Các khoản điều chỉnh tăng	61.208.600
Các khoản chi phí không được trừ	61.208.600
Thu nhập tính thuế TNDN	4.348.557.271
Thuế suất thuế TNDN	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>869.711.454</b>

**06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.417.637.217	(569.977.568)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.417.637.217	(569.977.568)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.913.161	2.809.302
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>578</b>	<b>(203)</b>

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-
- Chi phí nhân công	1.008.660.707
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, khác bằng tiền	614.737.970
<b>Cộng</b>	<b>1.623.398.677</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>
- Chuyển tiền đặt cọc để mua cổ phần sang tiền thanh toán để mua cổ phần	14.245.758.000

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Giao dịch với các bên liên quan**

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan theo chuẩn mực Kế toán gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Thanh Hà	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Thanh Trục	Là bố của Ông Phạm Thanh Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Ngô Thu Hà	Là mẹ của ông Nguyễn Đức Anh Tuấn - Tổng Giám đốc
Bà Lê Thanh Nga	Là vợ của Ông Đỗ Thanh Hà - thành viên Hội đồng quản trị
Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Là chị ruột của Ông Phạm Thanh Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan phát sinh trong kỳ như sau:

	<b>Tổng giá trị</b>	<b>Giá trị chuyển tiền trong kỳ</b>
<b>Ông Phạm Thanh Tùng</b>		
Giao dịch thành công mua 982.311 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	7.858.488.000	4.911.555.000

120  
 HINH  
 NG  
 H V  
 HINH  
 KIẾ  
 JAN  
 1/15

Đơn vị tính: VND

	<u>Tổng giá trị</u>	<u>Giá trị chuyển tiền trong kỳ</u>
<b>Ông Đỗ Thanh Hà</b>		
Giao dịch thành công mua 384.000 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	3.072.000.000	1.920.000.000
Đặt cọc để mua 66.600 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt		266.400.000
<b>Ông Phạm Thanh Trực</b>		
Giao dịch thành công mua 1.315.096 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	10.520.768.000	6.575.480.000
<b>Bà Phạm Thị Thanh Huyền</b>		
Giao dịch thành công mua 1.217.129 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	9.737.032.000	6.085.645.000
<b>Bà Lê Thanh Nga</b>		
Giao dịch thành công mua 420.050 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	3.360.400.000	2.100.250.000
<b>Ông Lê Việt</b>		
Đặt cọc để mua 1.779.744 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt		7.118.976.000
<b>Bà Ngô Thu Hà</b>		
Đặt cọc để mua 210.000 cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt		840.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.225.376.000	12.955.758.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>
Tiền lương, phụ cấp	208.146.958
<b>Cộng</b>	<b>208.146.958</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Công ty liên kết - Ông Phạm Thanh Tùng là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt</b>	
Chuyển trả tiền thuê văn phòng năm 2013 (không bao gồm thuế Giá trị gia tăng)	436.363.636
Tiền thuê văn phòng 6 tháng đầu năm 2014 (không bao gồm thuế Giá trị gia tăng)	403.600.910

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với bên có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Số cuối kỳ

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt**  
 Phải trả người bán (không bao gồm thuế Giá trị gia tăng)

403.600.910

## 02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

### Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ: Hoạt động tư vấn quản lý và dịch vụ văn phòng hành chính tổng hợp;
- Hoạt động tài chính.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Dịch vụ</u>	<u>Hoạt động tài chính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.893.516.363	11.473.456.422	13.366.972.785
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	1.073.393.674	8.035.721.840	9.109.115.514
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	820.122.689	3.437.734.582	4.257.857.271
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
- Tài sản bộ phận	2.016.907.364	74.824.921.273	76.841.828.637
- Tài sản không phân bổ			2.767.590.985
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.016.907.364</b>	<b>74.824.921.273</b>	<b>79.609.419.622</b>
- Nợ phải trả bộ phận	657.651.360	3.414.304.014	4.071.955.374
- Nợ phải trả không phân bổ			1.531.336.946
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>657.651.360</b>	<b>3.414.304.014</b>	<b>5.603.292.320</b>

### Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.914.116.661	-	8.737.790.402	-	10.914.116.661	8.737.790.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.087.407.364	-	8.670.908.904	-	2.087.407.364	8.670.908.904
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.568.297.483	(1.080.385.510)	4.816.136.283	-	18.488.247.200	4.980.576.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.569.821.508</b>	<b>(1.080.385.510)</b>	<b>22.224.835.589</b>	<b>-</b>	<b>31.489.771.225</b>	<b>22.389.275.306</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	403.600.910	1.400.000	403.600.910	1.400.000
Vay và nợ	3.067.875.729	3.471.445.089	3.067.875.729	3.471.445.089
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	102.805.000	2.805.000	102.805.000	2.805.000
<b>Cộng</b>	<b>3.574.281.639</b>	<b>3.475.650.089</b>	<b>3.574.281.639</b>	<b>3.475.650.089</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT

Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các cá nhân vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### 05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	403.600.910	-	-	403.600.910
Vay và nợ	3.067.875.729	-	-	3.067.875.729
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	102.805.000	-	-	102.805.000
<b>Cộng</b>	<b>3.574.281.639</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.574.281.639</b>
<b>Số đầu năm</b>				-
Phải trả cho người bán	1.400.000	-	-	1.400.000
Vay và nợ	3.471.445.089	-	-	3.471.445.089
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	2.805.000	-	-	2.805.000
<b>Cộng</b>	<b>3.475.650.089</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.475.650.089</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**06. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**07. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**08. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Phạm Thanh Tùng